

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 8 - 2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Ông Trịnh Xuân Tháp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 159/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986;

Trú tại: số 56/15, hẻm 56, đường C, ấp BC, xã TA, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1986;

Trú tại: 56/15, hẻm 56, đường C, ấp BC, xã TA, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T có mặt, chị O vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị Kim O tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã TA, huyện VC, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết

hôn số: 63/2010 ngày 15/9/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình khiến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh xin được ly hôn với chị O.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/10/2011 và cháu Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 18/8/2013. Khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị O nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu/ tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim O vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong quá trình tiến hành tố tụng chị O trình bày ý kiến:**

Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã TA, huyện VC, tỉnh Đồng Nai đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nay chị không đồng ý ly hôn, vì chị còn thương anh T, các con còn nhỏ và chị theo đạo công giáo không được phép ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/10/2011 và cháu Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 18/8/2013. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng 02 con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim O.

Về con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/10/2011 và cháu Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 18/8/2013 cho chị O nuôi dưỡng.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu/tháng.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Chị Nguyễn Thị Kim O có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hợp lệ, nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị O.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị Kim O là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của anh T xin được ly hôn với chị O. Vì anh T cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị O theo đạo công giáo nên không được phép ly hôn, nên chị không đồng ý ly hôn. Nay anh T có đơn và kiên quyết xin ly hôn với chị O. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho anh T được ly hôn với chị O là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Các bên thống nhất giao 02 con chung tên là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/10/2011 và cháu Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 18/8/2013 cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/1 cháu/tháng, nên được ghi nhận.

2.4. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, khoản 1, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84; 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim O.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/10/2011 và cháu Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 18/8/2013 cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 cháu/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 đến khi cháu Th, cháu Gi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003971 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Còn lại anh T phải nộp tiếp 300.000 đồng.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

7. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng chị Nguyễn Thị Kim O có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã TA;
- Chi cục THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến